

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HS-ST
Ngày 06-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hùng
- Ông Võ Hùng Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 đối với:

- Bị cáo Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện Tg, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1948 và bà Trần Thị N, sinh năm 1949 (chết); có chồng Đặng Văn Q, sinh năm 1967 (đã ly hôn năm 2008) và 01 người con, sinh năm 1997; nhân thân: Ngày 26/11/2001 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Ngày 07/7/2004 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Ngày 25/11/2005 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền án: Ngày 30/10/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 27/6/2020 chấp hành xong hình phạt tù (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 52/LCĐKNCT, ngày 25/9/2020 của Công an huyện T.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt)

2. Võ Thị C, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Trịnh Minh C, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

2. Mai Văn H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

- Người làm chứng: Trần Cẩm T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Y, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ, ngày 22/9/2020, do thấy bản thân mới ra tù không có việc làm, Nguyễn Thị L nảy sinh ý định trộm tài sản tại các tiệm vàng, L hỏi mượn xe mô tô biển số 60B4 – 245.67 của anh Trịnh Minh C (là em rể của L), để đi lên chợ gọi đầu. Sau đó L điều khiển xe chạy thẳng vào chợ H thuộc ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để tìm tiệm vàng vào thực hiện hành vi, khi thấy tiệm vàng K, L đi vào đứng trước tủ vàng, gặp ông Nguyễn Văn D và bà Võ Thị C (chủ tiệm vàng) hỏi bán đôi bông tai đang đeo trên người để bù thêm tiền mua dây chuyền, bà C lấy đôi bông tai cân trọng lượng và thử vàng thật giả, ông D lấy 01 xâu dây chuyền trong tủ ra lựa đưa cho L lần lượt 03 sợi nhưng L không chịu, nên ông D lấy dây chuyền lại rồi bỏ xâu dây chuyền này vào tủ. Tiếp tục lấy ra xâu dây chuyền thứ 2, Ông D đưa cho L sợi dây chuyền đầu tiên, L để trên mặt kiếng tủ trưng bày trước mặt ông D, sau đó ông D đưa thêm cho L sợi dây thứ hai và ông D tiếp tục lựa dây chuyền cho xem, bà C ở phía trong nên khi nhận được sợi dây chuyền thứ 2, L thả dây chuyền xuống mặt kiếng rồi dùng tay trái có mặc áo khoác đè lên giấu sợi dây chuyền này, ông D vẫn tiếp tục đưa sợi dây chuyền thứ 3 cho xem nhưng L cũng không chịu.

Sau đó ông D lấy lại 02 sợi dây chuyền cất vào trong tủ và đi vòng ra ngoài, còn bà C tiếp tục lựa dây chuyền cho L xem, thấy ông D đi ra ngoài L lấy tay phải đè dây chuyền kéo vào bên phải rồi tiếp tục lấy tay trái che lại để ông D không nhìn thấy và kêu bà C tính tiền đôi bông tai. Lợi dụng lúc này bà C tính tiền và ông D ra ngoài, L dùng tay trái lấy sợi dây chuyền bỏ vào trong túi áo khoác bên trái và điều khiển xe bỏ đi. Trên đường đi về, L dừng xe lại lấy sợi dây chuyền vừa lấy trộm ra xem có miếng giấy ghi loại vàng, trọng lượng, L xé miếng giấy ném bỏ (không biết ném ở đâu) rồi chạy thẳng đến tiệm vàng K, thuộc khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp bán sợi dây chuyền trộm trên

được 11.602.000đồng, xong L đi về nhà bà Nguyễn Thị L (em ruột L) sinh hoạt bình thường. Sau khi L bỏ đi, Ông D nghi ngờ nên xem lại camera ghi hình phát hiện L lấy trộm sợi dây chuyền nên trình báo Công an.

Tang vật thu giữ đã xử lý gồm:

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng 03 chỉ 01 phân 07 ly, có chiều dài 55cm, gồm 72 khoen gắn kết với nhau. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả sợi dây chuyền vàng nêu trên cho bà Võ Thị C (đứng tên đăng ký kinh doanh chủ tiệm vàng K).

- 01 xe mô tô biển số 60B4 – 245.67, màu sơn đen, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, số máy 5C64108105; số khung 6409Y108101; 01 giấy đăng ký xe mô tô, gắn máy số 024222 do Mai Văn H, địa chỉ Tổ B, ấp K, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Đối với xe biển số đăng ký 60B4 – 245.67, anh H trình bày đã bán xe này lại cho anh Trịnh Minh C nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Anh C không biết L sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả lại cho anh C xong.

Tang vật thu giữ chưa xử lý gồm:

- 01 giấy chứng nhận sản phẩm (biên nhận bán vàng) ngày 22/9/2020; 01 giấy bảo đảm (biên nhận nhận tiền) ngày 22/9/2020 của tiệm vàng K; 01 bộ quần áo bằng vải màu vàng cam, trên cổ áo có nhãn hiệu BOO BOO, thân áo và quần có nhiều họa tiết bông hoa, chim én; 01 áo khoác màu xám dây kéo màu trắng, không có nhãn hiệu, bên tay phải có 03 sọc ngang màu đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh dương, mũ nón màu đen, có hiệu NÓN SƠN của Nguyễn Thị L.

- 01 đĩa DVD bên trong có chứa 02 đoạn video clips ghi lại hành vi trộm gồm: 01 đoạn clip có tên file: “XVR_ch1_main_20200922144603_202009221500 00.dav” có dung lượng 157MB; 01 đoạn clip có tên file: “XVR_ch1_main_20200922150000_202009221500 53.dav” có dung lượng 9,94MB. Đây là 02 đoạn video clip ghi nhận đối tượng thực hiện hành vi trộm sợi dây chuyền.

Bản kết luận định giá số: 40/BKLĐG, ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: sợi dây chuyền vàng loại 18 kara, trọng lượng 3^c1^{p7l} (ba chỉ, một phân, bảy ly) trị giá: $3^c1^{p7l} \times 3.500.000\text{đ/chỉ} = 11.095.000\text{đ}$ (Mười một triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn).

Tại cơ quan điều tra, L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, sau đó đến tiệm vàng K chuộc lại sợi dây chuyền và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Ngoài ra L còn trình bày trước đây đã thực hiện 04 lần phạm tội trộm cắp tài sản, đã bị xử lý xong, khi đó L có nghề nghiệp làm thuê và bán vé số, thu nhập khoảng 100.000đồng đến 200.000đồng/ ngày, tài sản của những lần trộm trước đều bị thu hồi, L chưa tiêu xài thì bị bắt.

Tại Cáo trạng số: 42/CT-VKS-TN ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” mức án từ 02 năm đến 03 năm tù.

Tình tiết tăng nặng: Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Nguyễn Thị L khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số 40/BKLDG ngày 28/9/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường ngày 23/9/2020; Tờ tự khai ngày 22/9/2020 của bị cáo; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng hơn 14 giờ, ngày 22 tháng 9 năm 2020, bị cáo lợi dụng lúc ông D, bà C (chủ tiệm vàng K) thuộc ấp U, xã H, huyện T) sơ hở, bị cáo liền lén lút lấy trộm sợi dây chuyền vàng loại 18

kara, trọng lượng 03 chỉ, 01 phân, 07 ly, sợi dây chuyền trên trị giá 11.095.000đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo làm thuê thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân.

Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả xong; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Đối với bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 5 lần trở lên nhưng không nhằm mục đích làm nguồn sinh sống chính, vì bị cáo cũng có nghề nghiệp làm thuê và bán vé số thu nhập khoảng 100.000đồng đến 200.000đồng/ngày và tài sản của những lần trộm trước đều bị thu hồi, bị cáo chưa tiêu xài thì bị bắt nên không áp dụng phạm tội “Có tính chất chuyên nghiệp” mà áp dụng tình tiết tăng nặng do bị cáo có 01 tiền án chưa xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn D và Võ Thị C đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng 03 chỉ 01 phân 07 ly, có chiều dài 55cm, gồm 72 khoen gắn kết với nhau. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả sợi dây chuyền vàng nêu trên cho bà Võ Thị C (chủ tiệm vàng K), bà C đã nhận lại tài sản xong và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60B4 – 245.67, màu sơn đen, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, số máy 5C64108105; số khung 6409Y108101; 01 giấy đăng ký xe mô tô, gắn máy số 024222 do Mai Văn H, địa chỉ Tổ B, ấp K, xã T,

huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Đối với xe biển số đăng ký 60B4 – 245.67, anh H trình bày đã bán xe này lại cho anh Trịnh Minh C nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Anh C không biết bị cáo L mượn xe mô tô trên sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả lại cho anh C xong nên không xem xét.

Đối với 01 bộ quần áo bằng vải màu vàng cam, trên cổ áo có nhãn hiệu BOO BOO, thân áo và quần có nhiều họa tiết bông hoa, chim én; 01 áo khoác màu xám dây kéo màu trắng, không có nhãn hiệu, bên tay phải có 03 sọc ngang màu đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh dương, mũ nón màu đen, có hiệu NÓN SƠN của bị cáo Nguyễn Thị L. Xét thấy, vật chứng này không phải hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 giấy chứng nhận sản phẩm (biên nhận bán vàng) ngày 22/9/2020 và 01 giấy bảo đảm (biên nhận nhận tiền) ngày 22/9/2020 của tiệm vàng K; 01 đĩa DVD bên trong có chứa 02 đoạn video clips ghi lại hành vi trộm gồm: 01 đoạn clip có tên file: “XVR_ch1_main_20200922144603_202009221500 00.dav” có dung lượng 157MB; 01 đoạn clip có tên file: “XVR_ch1_main_20200922150000_202009221500 53.dav” có dung lượng 9,94MB, đây là 02 đoạn video clip ghi nhận đối tượng thực hiện hành vi trộm sợi dây chuyền. Xét thấy, các vật chứng này là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với Trịnh Minh C không biết bị cáo Nguyễn Thị L mượn xe mô tô biển số 60B4 – 245.67, màu sơn đen, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS để sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên không xem xét trách nhiệm.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 02 (hai) năm, 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị L: 01 (một) bộ quần áo bằng vải màu vàng cam, trên cổ áo có nhãn hiệu BOO BOO, thân áo và quần có nhiều họa tiết bông

hoa, chim én; 01 (một) áo khoác màu xám dây kéo màu trắng, không có nhãn hiệu, bên tay phải có 03 sọc ngang màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh dương, mũ nón màu đen, có hiệu NÓN SƠN.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án:

+ 01 (một) đĩa DVD bên trong có chứa 02 đoạn video clip ghi lại hành vi trộm gồm: 01 đoạn clip có tên file: “XVR_ch1_main_20200922144603_202009221500 00.dav” có dung lượng 157MB; 01 đoạn clip có tên file: “XVR_ch1_main_20200922150000_202009221500 53.dav” có dung lượng 9,94MB.

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

+ 01 (một) giấy chứng nhận sản phẩm (biên nhận bán vàng) ngày 22/9/2020 và 01 (một) giấy bảo đảm (biên nhận nhận tiền) ngày 22/9/2020 của tiệm vàng K. Vật chứng này đang lưu trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hứa Quang Thông